

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

Trần Thị Nga

Trường Tiểu học Nguyễn Du, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
Email: tranthinga75@gmail.com

Article History

Received: 10/4/2020

Accepted: 20/5/2020

Published: 25/5/2020

Keywords

testing and assessment,
learning results, primary
students, Bien Hoa city.

ABSTRACT

Testing and assessing learners' learning results is an important part of the teaching process and educational management. It is also a motivation for students to be active and proactive in learning and at the same time helps teachers and management department capture the effectiveness of the school's education to direct, adjust the content and apply appropriate teaching methods to achieve the educational goals. This paper presents the actual situation of checking and evaluating the learning results of students in Bien Hoa City's primary schools, Dong Nai province. The results of the survey are the basis for adjusting testing and assessment of students' learning results, contributing to improving quality and effectiveness of education at primary schools in the area.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, cùng với việc đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các môn học, việc đổi mới kiểm tra, đánh giá (KT, ĐG) cũng được những người làm giáo dục quan tâm đặc biệt: Hoàng Thị Tuyết và Vũ Thị Phương Anh (2006) nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học; Nitko, A.J., & Brookhart, S.M. (2007) cung cấp thông tin cơ bản về đo lường trong giáo dục; Hoàng Thị Tuyết (2017) đi tìm mô hình đánh giá học sinh (HS) trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới; Nguyễn Thị Thu Thủy (2016) nghiên cứu về đổi mới KT, ĐG kết quả học tập của HS hướng vào mục tiêu phát triển năng lực; Nguyễn Công Khanh (2017) với đề tài “Đánh giá HS tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông”... Bộ GD-ĐT cũng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn công tác KT, ĐG đối với cấp tiểu học như Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2014); Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2016)...

KT, ĐG là một khâu trọng yếu và không thể tách rời trong quá trình dạy học (Đông Thị Kim Xuyên, 2019, tr 108). Đây vừa là động lực, vừa là nhân tố nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường. KT, ĐG kết quả học tập nhằm đánh giá trình độ nhận thức của HS hiện tại so sánh với mục tiêu đào tạo và khả năng giảng dạy của giáo viên (GV), đồng thời tìm hiểu nguyên nhân để tìm hướng khắc phục. KT, ĐG giúp CBQL nắm được các hiệu quả của các quyết định, các kế hoạch và tính khả thi của chúng, nhằm điều chỉnh quá trình điều hành, cải tiến các biện pháp chỉ đạo nhằm đạt kết quả cao nhất của quá trình dạy học. Vì thế, muốn thực hiện có kết quả mục tiêu nội dung giáo dục cần phải quan tâm tới hoạt động KT, ĐG.

Bài viết trình bày thực trạng hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS các trường tiểu học TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, là cơ sở để đề xuất các biện pháp phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, dạy học ở các trường tiểu học trên địa bàn.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

Đề khảo sát thực trạng hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi làm chủ đạo, bên cạnh đó có sự hỗ trợ của phương pháp quan sát và phỏng vấn sâu. Bảng hỏi được thiết kế gồm 4 nội dung chính: đánh giá về mục đích; nội dung; hình thức và các khâu tiến hành hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS. Mỗi nội dung bao gồm nhiều tiêu chí đánh giá, mỗi tiêu chí có 4 phương án để lựa chọn và được tính điểm theo quy ước 4 mức 1 - 2 - 3 - 4 tương ứng với các mức độ “Hoàn toàn không đồng ý”; “Không đồng ý”, “Phân vân”, và “Hoàn toàn đồng ý”. Khách thể khảo sát gồm 225 cán bộ quản lý (CBQL), GV và 148 phụ huynh học sinh (PHHS) ở các trường tiểu học TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai trong học kì 1 năm học 2019-2020.

Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm IBM SPSS Statistics 20. Chỉ số Cronbach alpha của thang đo bảng hỏi dành cho CBQL, GV là 0,84 và dành cho PHHS là 0,87. Điều này cho thấy bộ công cụ sử dụng trong nghiên cứu của chúng tôi có độ tin cậy tương đối cao, đảm bảo sự chính xác cho các kết quả thu được.

2.2. Kết quả thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các trường tiểu học thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2.2.1. Thực trạng nhận thức về mục đích thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Kết quả khảo sát thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Nhận thức của CBQL, GV và PHHS về mục đích thực hiện hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS

TT	Mục đích KT, ĐG kết quả học tập của HS	CBQL, GV		PHHS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Là cơ sở để đánh giá, xếp loại học lực của HS	3,50	0,55	3,52	0,64
2	Là cơ sở xét lên lớp, xét tốt nghiệp	3,04	0,81	3,06	0,77
3	Cung cấp thông tin phản hồi cho HS	2,89	0,80	2,96	0,67
4	Cung cấp thông tin phản hồi cho phụ huynh	3,13	0,49	3,06	0,56
5	Cung cấp thông tin phản hồi cho GV	3,34	0,82	3,37	0,71
6	Cung cấp thông tin phản hồi cho CBQL	3,01	0,74	2,60	0,73
7	Góp phần động viên, khen thưởng hay nhắc nhở HS học tập	3,05	0,69	2,98	0,52
8	Là yếu tố đánh giá chất lượng giảng dạy của nhà trường	3,20	0,61	3,30	0,84
9	Giúp HS phát triển khả năng tự đánh giá	2,78	0,89	2,99	0,80

Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, mục đích của việc KT, ĐG kết quả học tập của HS được hai nhóm khách thể là CBQL, GV và PHHS đánh giá cao nhất “*Là cơ sở để đánh giá, xếp loại học lực của HS*” (ĐTB lần lượt là 3,50 và 3,52). Thực tế CBQL, GV và PHHS luôn coi KT, ĐG kết quả học tập của HS chủ yếu nhằm đưa ra nhận xét về khả năng đạt được của HS sau mỗi quá trình học tập, từ đó xếp loại về học lực của HS. Tuy nhiên, KT, ĐG kết quả học tập của HS không phải là cơ sở quan trọng của việc xếp loại học lực hay xét lên lớp mà điều quan trọng hơn là cung cấp thông tin phản hồi cho GV để họ điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình.

Mục đích thứ hai của việc KT, ĐG kết quả học tập của HS được các khách thể đánh giá cao là “*Cung cấp thông tin phản hồi cho GV*” (ĐTB lần lượt 3,34 và 3,37). Việc KT, ĐG kết quả học tập của HS là cơ sở quan trọng để GV nắm được trình độ và khả năng học tập của HS. Đây cũng chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để GV tiếp tục điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp dạy học, nội dung bài dạy đáp ứng yêu cầu về mục tiêu của dạy học và phù hợp với nhận thức của HS. Qua phỏng vấn sâu, GV N.T.D.T, Trường Tiểu học Nguyễn Tri Phương cho rằng: “*Mục đích quan trọng nhất của việc KT, ĐG kết quả học tập của HS đối với GV là để có thông tin hai chiều giúp GV điều chỉnh lại quá trình giảng dạy của mình để sự tác động của GV đến HS một cách có hiệu quả nhất*”.

Được xếp ở vị trí cao thứ ba của mục đích KT, ĐG kết quả học tập của HS “*Là yếu tố đánh giá chất lượng giảng dạy của nhà trường*” (ĐTB lần lượt của CBQL, GV và PHHS là 3,20 và 3,30). Kết quả thực tế này phản ánh việc thực hiện các mục tiêu cụ thể cho các cấp quản lý từ Ban Giám hiệu đến Tổ bộ môn và GV có cơ sở để điều chỉnh việc tổ chức dạy học nói chung và quản lý việc KT, ĐG kết quả học tập của HS nói riêng, góp phần đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường hiệu quả giảng dạy của nhà trường. Các mục đích còn lại của việc KT, ĐG kết quả học tập của HS được đánh giá thấp hơn, song vẫn ở mức độ nhận thức khá tốt, có ĐTB dao động từ 2,60 đến 3,06, đó là: “*Góp phần động viên, khen thưởng hay nhắc nhở HS học tập*”; “*Là cơ sở xét lên lớp, xét tốt nghiệp*”; “*Cung cấp thông tin phản hồi cho HS*”; “*Cung cấp thông tin phản hồi cho CBQL*” và “*Giúp HS phát triển khả năng tự đánh giá*”.

Kết quả trên còn cho thấy sự thống nhất về mặt nhận thức giữa hai lực lượng CBQL, GV và PHHS về mục đích của hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS (ĐTB của hai lực lượng này có sự tương đồng ở nhiều lựa chọn). Đó là cơ sở quan trọng để tạo ra sự đồng thuận trong việc thực hiện các mục đích KT, ĐG kết quả học tập của HS ở các trường tiểu học trên địa bàn TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.2.2. Thực trạng sử dụng các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Để tìm hiểu rõ hơn thực trạng sử dụng các hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS trong các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu, chúng tôi đã tiến hành khảo sát, thu thập và xử lý số liệu, kết quả thể hiện *bảng 2*.

Bảng 2. Thực trạng sử dụng các hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS

TT	Hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS	CBQL, GV		PHHS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Kiểm tra, thi viết (tự luận)	3,14	0,50	3,28	0,58
2	Kiểm tra, thi viết (trắc nghiệm)	3,26	0,70	3,32	0,69
3	Kiểm tra, thi viết (kết hợp tự luận và trắc nghiệm)	3,52	0,51	3,49	0,60
4	Làm bài tập	2,76	0,74	2,99	0,74
5	Thi vấn đáp	2,93	0,91	3,02	0,78
6	Bài tập thực hành môn học	2,13	0,54	2,70	0,52
7	Quan sát	1,95	0,60	2,22	1,09
8	Kết hợp thi viết và vấn đáp	2,45	0,53	2,76	0,81
9	Các sản phẩm của HS	2,10	0,65	2,97	0,67

Bảng 2 cho thấy, các trường tiểu học trên địa bàn TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã sử dụng khá nhiều hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS và mức độ sử dụng các hình thức này có sự khác biệt đáng kể. Trong đó, “*Kiểm tra, thi viết (kết hợp tự luận và trắc nghiệm)*” - sự kết hợp này nhằm khai thác những ưu điểm của mỗi hình thức, khá hiệu quả trong KT, ĐG kết quả học tập của HS. Do vậy, đây là hình thức được CBQL, GV và PHHS đánh giá là sử dụng thường xuyên nhất (ĐTB = 3,52 và 3,49). Bên cạnh đó, “*Kiểm tra, thi viết (trắc nghiệm)*” là hình thức khá phổ biến hiện nay, vì lẽ đó hình thức này cũng được các lực lượng đánh giá là sử dụng nhiều (ĐTB = 3,26 và 3,32). Ngược lại, các hình thức như: “*Quan sát*”; “*Bài tập thực hành môn học*”; “*Các sản phẩm của HS*”,... chưa được sử dụng thường xuyên. Điều này phản ánh thực tế tại các trường tiểu học trên địa bàn nghiên cứu vẫn còn sử dụng nhiều phương pháp nặng về KT, ĐG tri thức của HS, có chú trọng đến các hình thức KT, ĐG về năng lực của người học nhưng vẫn còn rất hạn chế.

Giải thích về điều này, cô T.T.N, Phó hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Du cho biết: “*Thực tế, việc KT, ĐG kết quả học tập đối với HS tiểu học được tiến hành suốt trong quá trình học tập, GV gặp rất nhiều áp lực về công việc này. Việc tăng cường sử dụng các phương pháp nghiêng về đánh giá năng lực quả là điều không dễ dàng, đòi hỏi GV có sự sâu sát cả một quá trình. Trong khi đó, đặc thù tại các trường tiểu học ở thành phố này, sĩ số HS mỗi lớp rất đông. Do vậy, để thực hiện chủ trương của ngành, nhà trường có quan tâm đến các hình thức KT, ĐG về năng lực hành động của HS nhưng vẫn ở chừng mực nhất định*”.

Có sự chênh lệch khá rõ rệt trong đánh giá về một số hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS giữa hai lực lượng CBQL, GV và PHHS. Điều này có thể lí giải rằng: thứ nhất, mọi sự chỉ đạo, định hướng trước hết xuất phát từ phía nhà trường; thứ hai, có thể PHHS có sự quan tâm nhiều về việc học tập của con em họ nhưng để có thể nắm sâu sát về các hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS trong nhà trường là điều khó có thể. Do vậy, kết quả đánh giá khác biệt của hai lực lượng này có cơ sở về lí luận và thực tiễn.

Như vậy, nhà trường và GV tiểu học đã sử dụng linh hoạt rất nhiều hình thức KT, ĐG kết quả học tập của HS. Các hình thức KT, ĐG mới cũng được nhà trường và GV bắt đầu thực hiện nhưng ở mức độ hạn chế. Với xu thế đổi mới chất lượng giáo dục hiện nay, đòi hỏi các nhà trường phải chuyển dần từ hình thức KT, ĐG nặng về kiến thức sang các hình thức KT, ĐG năng lực HS nhằm thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo của HS để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện nay.

2.2.3. Thực trạng nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Bảng 3. Thực trạng việc sử dụng nội dung KT, ĐG kết quả học tập của HS

TT	Nội dung KT, ĐG kết quả học tập của HS	CBQL, GV		PHHS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Bám sát vào chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học	3,19	0,71	2,57	0,97
2	Kiến thức trọng tâm của môn học	3,33	0,54	2,94	0,69
3	Bao quát nội dung sách giáo khoa	2,85	0,55	3,04	0,47
4	Mở rộng kiến thức ngoài sách giáo khoa	2,46	0,65	2,54	0,62
5	Mang nặng việc ghi nhớ kiến thức	2,86	0,58	2,43	0,50
6	Rèn luyện HS khả năng phân tích vấn đề	2,98	0,91	2,46	0,95
7	Chú trọng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế	2,83	0,82	3,23	0,87
8	Chú ý khả năng tổng hợp kiến thức	2,64	0,67	2,49	0,79
9	Chú ý đánh giá năng lực HS	2,52	0,61	2,69	0,89

Bảng 3 cho thấy: chưa có sự thống nhất trong đánh giá về nội dung KT, ĐG kết quả học tập của HS ở hai nhóm khách thể khảo sát là CBQL, GV và PHHS. Hầu hết các tiêu chí đều có sự khác biệt khá lớn, có sự trái ngược nhau trong nhận định của hai lực lượng này. Chẳng hạn như: nội dung KT, ĐG bám sát “*Kiến thức trọng tâm của môn học*” được CBQL, GV đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,33) thì PHHS đánh giá với ĐTB = 2,94; hay nội dung “*Bám sát vào chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học*” (CBQL, GV đánh giá ĐTB = 3,19, PHHS đánh giá ĐTB = 2,57). Trong khi đó, một số tiêu chí khác thì ngược lại, như: “*Chú trọng khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế*” được CBQL, GV đánh giá với ĐTB = 2,83, còn đối với PHHS có ĐTB = 3,23; “*Bao quát nội dung sách giáo khoa*” CBQL, GV đánh giá với ĐTB = 2,85, còn đối với PHHS có ĐTB = 3,04.

Sự khác biệt này một lần nữa có thể khẳng định: sự quan tâm của PHHS đối với vấn đề KT, ĐG kết quả học tập của con em mình dường như ở khía cạnh hình thức, còn về mặt nội dung thì chưa thực sự sâu sát. Điều này hoàn toàn đúng với điều kiện thực tế và tâm lý chung của nhiều PHHS. Chị H.T.N.N PHHS lớp 4, Trường tiểu học Nguyễn Du chia sẻ: “*Minh hay để ý đến điểm số con được bao nhiêu, cô giáo nhận xét như thế nào về bài làm của con, đề kiểm tra có bao nhiêu câu, hình thức gì chứ không biết nhiều về tính chất của nội dung của những bài kiểm tra, ...*”.

Trong bảng 3, các tiêu chí từ 1 đến 4 phản ánh phạm vi nội dung KT, ĐG, còn các tiêu chí từ 5 đến 9 phản ánh các mức độ nhận thức trong nội dung KT, ĐG. Đối với CBQL, GV đánh giá cao những tiêu chí: thứ nhất là nội dung KT, ĐG kết quả học tập của HS đã bám sát “*Kiến thức trọng tâm của môn học*” (ĐTB = 3,33); thứ hai, là “*Bám sát vào chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học*” (ĐTB = 3,19); thứ ba, “*Rèn luyện HS khả năng phân tích vấn đề*” (ĐTB = 2,98). Trong khi đó, các tiêu chí được đánh giá thấp hơn như: “*Mở rộng kiến thức ngoài sách giáo khoa*” (ĐTB = 2,46), “*Chú ý đánh giá năng lực HS*” (ĐTB = 2,52). Điều này cho thấy, phạm vi nội dung đề KT, ĐG được GV và nhà trường tiến hành hợp lý, đảm bảo quy định về chuẩn kiến thức kỹ năng và yêu cầu của công tác KT, ĐG các môn học trong nhà trường tiểu học. Tuy nhiên, nội dung KT, ĐG kết quả học tập của HS ít được GV và đội ngũ CBQL nhà trường sử dụng mở rộng ngoài sách giáo khoa. Điều này có thể tác động không tốt đến ý thức tự học, tự mở rộng kiến thức của HS, đồng thời thể hiện nhà trường có phần e ngại về thành tích không được đảm bảo so với mục tiêu đề ra trong năm học.

Như vậy, có thể thấy, công tác chuẩn bị nội dung cho hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS tuy được các trường tiểu học trên địa bàn TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai quan tâm nhưng chưa thật sự đúng mức. Nội dung kiểm tra có bám sát trọng tâm của các chủ đề học tập và chuẩn kiến thức, kỹ năng nhưng chưa được nhà trường mở rộng, nâng cao ý thức tự học, tự tìm tòi của HS; vẫn đặt nặng việc KT, ĐG về kiến thức, chưa chú trọng đến khả năng vận dụng vào thực tiễn. Đây cũng là một trong những vấn đề còn hạn chế trong quá trình thay đổi tư duy giáo dục và nội dung, hình thức KT, ĐG theo yêu cầu của công cuộc đổi mới hiện nay.

2.2.4. Thực trạng thực hiện các khâu kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Bảng 4. Thực trạng thực hiện các khâu KT,ĐG kết quả học tập của HS

TT	Các khâu KT, ĐG kết quả học tập của HS	ĐTB	ĐLC
<i>Ra đề thi, kiểm tra</i>		3,03	0,64
1	Phản ánh được mục tiêu, nội dung cần kiểm tra, thi	3,42	0,63
2	Đề thi vừa sức với trình độ HS	2,94	0,67
3	Đề thi phù hợp với thời gian thi	2,85	0,82
4	Đề thi không sai sót	2,99	0,81
5	Đề thi được duyệt theo quy định	2,91	0,77
6	Việc bảo quản đề thi	3,09	0,29
<i>Coi thi, kiểm tra</i>		2,76	0,53
7	Chuẩn bị các điều kiện phục vụ kiểm tra, thi	2,89	0,39
8	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan	2,76	0,86
9	Đảm bảo kỉ luật phòng thi, HS nghiêm túc	2,62	0,62
<i>Chấm bài, công bố kết quả kiểm tra, thi</i>		2,98	1,03
10	Chấm bài thi đảm bảo tính chính xác	3,18	1,04
11	Theo đáp án và thang điểm thống nhất	3,10	0,89
12	Đảm bảo tính phân hoá trình độ HS	2,76	1,29
13	Công bố kết quả kịp thời	2,82	1,15
14	Báo cáo kết quả minh bạch, trung thực	3,03	1,28
<i>Bảo quản bài thi và kết quả thi</i>		2,71	1,02
15	Bài thi được lưu trữ đúng theo thời gian quy định	2,94	0,69
16	Bài thi lưu trữ khoa học, thuận lợi cho việc tra tìm	2,14	1,02
17	Quản lí kết quả thi bằng phần mềm máy tính	1,94	1,01
18	Kết quả được ghi vào phiếu liên lạc và học bạ	3,81	1,35

Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện các khâu KT, ĐG kết quả học tập của HS ở bảng 4 cho thấy, việc thực hiện các khâu của quy trình KT, ĐG kết quả học tập của HS khá tốt (ĐTB dao động từ 2,71 đến 3,03). Trong đó, “*Khâu ra đề thi, kiểm tra*” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,03). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện khâu này, có một số công việc thực hiện chưa thực sự tốt như: đề thi chưa thực sự phù hợp với thời gian thi, quá dễ hay quá khó đối với HS, hay quy trình ra đề, duyệt đề nhiều khi chưa có sự sát sao.

Về vấn đề này, cô T.T.M, GV Trường Tiểu học Nguyễn An Ninh chia sẻ: “*Đề kiểm tra chưa có tính phân loại, chưa đạt được mục tiêu đó là HS trung bình được điểm 5-6, HS khá được điểm 7-8, HS giỏi được điểm 9-10; vì vậy, nên nhiều khi HS trung bình cũng được điểm 9-10 hoặc có câu khó quá, cả trường không em nào làm được...; chưa bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng, có khi bài viết chính tả số lượng chữ quá nhiều hoặc quá ít. Các bài toán quá khó hoặc quá dễ, ngay từ câu 1, câu 2 bài tập đã dành cho HS khá, hoặc không có câu khó dành cho HS giỏi dẫn đến các em HS giỏi làm bài chỉ hết một nửa thời gian*”.

“*Chấm bài, công bố kết quả kiểm tra, thi*” cũng là một khâu rất quan trọng, đảm bảo tính bí mật, tính nguyên tắc trong KT, ĐG kết quả học tập của HS. Việc chấm, trả bài của HS là một yêu cầu bắt buộc đối với mỗi GV, đặc biệt hơn là đối với HS tiểu học, bởi vì tâm lí HS tiểu học rất thích chấm điểm ở tất cả các môn học, điều này đã kích thích trẻ ham học, cố gắng học tập tạo tính tự tìm tòi. Vì vậy, việc chấm bài cần phải chính xác tuyệt đối để tránh gây cú sốc tâm lí ở trẻ như bị điểm kém hoặc bị mắng trước lớp. Do đó, việc chấm trả bài của GV tiểu học cần phải là một nghệ thuật, đòi hỏi sự tinh tế trong những câu nhắc nhở, động viên HS. Nội dung “*Chấm bài, công bố kết quả kiểm tra, thi*” được CBQL, GV đánh giá cao thứ hai (ĐTB = 2,98 là điều đáng mừng, bởi trên thực tế, tình trạng thiếu công bằng, thiếu trung thực trong chấm và công bố kết quả học tập, thi cử dẫn đến chất lượng giáo dục “thực mà ảo” vẫn còn tồn tại.

Hai khâu “Coi thi, kiểm tra” và “Bảo quản bài thi và kết quả thi” có ĐTB lần lượt là 2,76 và 2,71 cho thấy đội ngũ CBQL và GV chưa thực sự đề cao tính nguyên tắc trong phòng thi hay bảo quản bài thi. Qua phỏng vấn, cô T.T.M, GV Trường Tiểu học Chu Văn An cho biết: “*Mỗi khi tổ chức kiểm tra hay thi, việc chuẩn bị cơ sở vật chất còn chưa chu đáo, dường như nhà trường chưa thực sự để ý đến vấn đề này. Cán bộ coi thi còn để HS quay cốp trong phòng thi, dẫn đến kỉ luật phòng thi còn xem nhẹ*”.

Như vậy, để tăng cường hiệu quả hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS, các trường tiểu học trên địa bàn TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện đồng thời ở các khâu của hoạt động này, trong đó, chú trọng hai khâu quan trọng là coi thi, kiểm tra và bảo quản bài thi, kết quả thi.

3. Kết luận

KT, ĐG kết quả học tập của người học là một khâu quan trọng của quá trình dạy học và quản lý giáo dục, là động lực để HS tích cực, chủ động trong học tập, đồng thời giúp GV và CBQL nắm bắt được hiệu quả giáo dục của nhà trường để điều hành, chỉ đạo, điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học phù hợp nhằm đạt được mục tiêu giáo dục.

Kết quả thu được từ khảo sát cho thấy, đội ngũ CBQL, GV và PHHS đã nhận thức đúng đắn và chỉ đạo thực hiện tương đối đồng bộ mục đích KT, ĐG kết quả học tập của HS ở trường tiểu học; tuy nhiên, vẫn còn một số khía cạnh của hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS chưa được đánh giá cao. Vì vậy, trong thời gian tới, để hoạt động KT, ĐG kết quả học tập của HS ở các trường tiểu học TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đạt hiệu quả như mong muốn, đội ngũ CBQL và GV cần chú trọng nhiều hơn nữa đến các hình thức, nội dung và các khâu KT, ĐG để đảm bảo “Đánh giá sự tiến bộ của HS, không so sánh HS này với HS khác, không tạo áp lực cho HS, GV và cha mẹ HS” (Bộ GD-ĐT, 2014).

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học*.
- Bộ GD-ĐT (2016). *Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đánh giá học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
- Đặng Bá Lâm (2003). *Kiểm tra, đánh giá trong dạy - học*. NXB Giáo dục.
- Đồng Thị Kim Xuyên (2019). *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên các trường đại học ở Việt Nam hướng đến mô hình giáo dục 4.0*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10, tr 108-112.
- Hoàng Thị Tuyết (2017). *Đi tìm mô hình đánh giá học sinh trong Chương trình Giáo dục phổ thông mới*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 14, tr 6-10.
- Hoàng Thị Tuyết (chủ biên), Vũ Thị Phương Anh (2006). *Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học*. NXB Giáo dục.
- Nitko, A.J., & Brookhart, S.M. (2007). *Educational assessment of students (5th ed.)*. Upper SaddleRiver, NJ: Pearson/Prentice Hall.
- Nguyễn Công Khanh (chủ nhiệm đề tài, 2017). *Đánh giá học sinh tiểu học theo tiếp cận năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông*. Đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp Quốc gia, mã số KHGD/ 16-20. ĐT.016.
- Nguyễn Thị Thu Thủy (2016). *Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh hướng vào mục tiêu phát triển năng lực*. Tạp chí Giáo dục, số 397, tr 34-36.